

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;
- Tiến độ thi công;
- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;
- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);
- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;
- Các yếu tố cần thiết khác;

Chủ đầu tư được yêu cầu về nhãn hiệu theo nhóm nhãn hiệu cho nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác (đầu vào cho việc thi công theo quy định của pháp luật xây dựng các hạng mục công việc quy định trong hồ sơ mời thầu mà không phải là một hạng mục công việc của gói thầu). Nhà thầu được chào theo nhãn hiệu các nguyên nhiên vật liệu, vật tư và các yếu tố đầu vào khác theo quy định trong hồ sơ mời thầu hoặc nhãn hiệu khác có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Ví dụ: nhóm nhãn hiệu đối với xi măng: xi măng Nghi Sơn, Bỉm Sơn, Bút Sơn, Hà Tiên, Vicem Hoàng Mai. Nhà thầu được chào theo 1 hoặc một số nhãn hiệu trong các nhãn hiệu này hoặc được chào nhãn hiệu khác có chất lượng xi măng tương đương hoặc tốt hơn. Trừ trường hợp do tính chất của gói thầu mà E-HSMT yêu cầu nhà thầu phải thực hiện theo đúng biện pháp thi công nêu trong E-HSMT, E-HSMT cần quy định nhà thầu được đề xuất biện pháp thi công khác với biện pháp thi công nêu trong E-HSMT. Chủ đầu tư không được đưa yêu cầu về khả năng huy động nhân sự chủ chốt, thiết bị thi công chủ yếu trong yêu cầu về kỹ thuật nhằm loại bỏ nhà thầu.

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

Bảng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt”:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng		
1.1. Bảng kê vật tư cho công trình được quy định tại mục III.3, chương V – Yêu cầu về xây lắp	Có bảng kê vật tư cho công trình có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đầy đủ theo danh mục; vật tư được liệt kê có quy cách phù hợp với quy cách yêu cầu.	Đạt
	Không liệt kê các loại vật tư so với yêu cầu của E-HSMT hoặc có liệt kê nhưng còn thiếu ≥ 1 loại vật tư so với yêu cầu của E-HSMT hoặc có liệt kê các loại vật tư so với yêu cầu của E-HSMT nhưng có ≥ 1 loại vật tư có quy cách không phù hợp với quy cách yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
1.2. Đối với các loại vật tư, vật liệu: (1) Xi măng các loại. (2) Gạch các loại. (3) Cát các loại. (4) Sơn các loại.	Có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp cung cấp đầy đủ các loại vật liệu.	Đạt
	Có ≥ 1 loại vật tư không có hợp đồng nguyên tắc	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật		
2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Đạt
	Không có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường hoặc có Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường nhưng không có thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng thành viên.	Không đạt
2.2 Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ	Có biện pháp tổ chức cung cấp tổng thể, lắp đặt hàng hóa chi tiết, khả thi, hợp lý và phù hợp với tiên độ cung cấp. Biện pháp tổ chức cung cấp phải thể hiện được:	Đạt

thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt thiết bị.	biện pháp cung cấp chi tiết từng khu phòng và phù hợp với tiến độ thi công của công trình.	
	Không có hoặc có biện pháp tổ chức cung cấp tổng thể không khả thi, không hợp lý và không phù hợp với tiến độ cung cấp tổng. Không có hoặc có biện pháp cung cấp tổng chi tiết từng khu nhà không khả thi, không hợp lý và không phù hợp.	Không đạt
3. Biện pháp tổ chức thi công		
3.1 Bố trí điện, nước phục vụ thi công (bao gồm thuyết minh và bản vẽ).	Có thuyết minh và bản vẽ đầy đủ	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc không có bản vẽ hoặc thiếu thuyết minh bố trí điện hoặc thiếu thuyết minh bố trí nước hoặc thiếu bản vẽ bố trí điện hoặc thiếu bản vẽ bố trí nước phục vụ thi công.	Không đạt
3.2. Thi công các công tác: thi công móng cọc, trát, lát gạch, , chống thấm mái, sơn, điện.	Đối với tất cả các công tác: Có thuyết minh và bản vẽ đầy đủ	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc thiếu thuyết minh 01 công tác trở lên	Không đạt
4. Tiến độ thi công		
4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 60 ngày (kể cả ngày nghỉ và ngày lễ).	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 60 ngày .	Đạt
	Đề xuất thời gian thi công vượt quá 60 ngày .	Không đạt
4.2. Tính phù hợp: Có biểu đồ bố trí nhân lực phù hợp tiến độ thi công và với nhân sự đề xuất	Có biểu đồ bố trí nhân lực.	Đạt
	Không có biểu đồ bố trí nhân lực.	Không đạt
4.3. Biểu tiến độ thi công chi tiết theo công việc mời thầu	Có Biểu tiến độ thi công chi tiết.	Đạt
	Không có Biểu tiến độ thi công chi tiết.	Không đạt
5. Biện pháp bảo đảm chất lượng		
5.1. Sơ đồ Quy trình quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng	- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	Đạt
	- Không có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Không có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	Không đạt

5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công trát, lát gạch, ốp gạch, sơn, điện,...	Có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công hoặc Không có đầy đủ biện pháp bảo đảm chất lượng cho từng công tác thi công.	Không đạt
5.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phụ vụ công tác thi công.	Có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phụ vụ công tác thi công	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phụ vụ công tác thi công.	Không đạt
6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
6.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động	Có biện pháp an toàn lao động	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động	Không đạt
6.2. Phòng cháy, chữa cháy		
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy.	Không đạt
6.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường.	Không đạt
7. Bảo hành		
Thời gian Bảo hành 12 tháng	Có đề xuất thời gian bảo hành từ 12 tháng trở lên.	Đạt
	Có đề xuất thời gian bảo hành < 12 tháng.	Không đạt
7. Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Không đạt

8. Tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa		
Tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ; tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa.	Tài liệu chứng minh: - Chất lượng sản xuất. - Tính năng và cấu tạo theo đúng E-HSMT, Hồ sơ thiết kế. - Có kèm theo catalogue được cấp bởi nhà sản xuất;	Đạt
	Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên	Không đạt

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 thì được đánh giá là không đạt.